TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07- 02-2020
V/v "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Văn Minh
2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 795/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1993
Địa chỉ: ấp BR, xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.
- Bị đơn: Anh Phạm Hoàng H, sinh năm: 1985
Địa chỉ: ấp BC, xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Chị T và anh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-10-2019, trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Ngọc T trình bày:

Vợ chồng anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới từ năm 2010, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung bên gia đình chồng. Vợ chồng sống đến năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do: Chồng chị thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên cãi vã với nhau nên không hạnh phúc. Từ năm 2014 chị về bên nhà cha mẹ của chị sinh sống đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Phạm Lê Hoàng P, sinh ngày 10-3-2011 và Phạm Lê Hoàng H, sinh ngày 14-6-2013, hiện anh H đang nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, chị đang nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02-01-2020 anh Phạm Hoàng H trình bày:

Anh đồng ý ly hôn với vợ Lê Thị Ngọc T.Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2014 đến nay.

Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung tên Phạm Lê Hoàng P, sinh ngày 10-3-2011, đồng ý giao vợ anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Lê Hoàng H. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.
Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ông Võ Văn Sỹ phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T và anh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T đối với anh Phạm Hoàng H.

+Về con chung: Giao chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Phạm Lê Hoàng H, sinh ngày 14-6-2013. Giao anh Phạm Hoàng H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Phạm Lê Hoàng P, sinh ngày 10-3-2011. Chị T và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về án phí: Chị T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Phạm Hoàng H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Phạm Hoàng H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2010, đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Do anh chị tính tình không hợp nhau, anh chị chưa thực sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ và giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng anh chị mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2014 đến nay không hàn gắn được. Nay trong quá trình giải quyết vụ án chị T có yêu cầu ly hôn, anh H có ý kiến đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổ chức phiên họp để hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T và anh H có yêu cầu được giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị thống nhất có 02 con chung tên: Phạm Lê Hoàng P, sinh ngày 10-3-2011 và Phạm Lê Hoàng H, sinh ngày 14-6-2013, hiện anh H đang nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, chị T đang nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thực tế anh chị đang thỏa thuận mỗi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con chung; việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên cần giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, giao anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T đối với anh Phạm Hoàng H. Chị T được ly hôn với anh H.

2.Về con chung: Giao chị Lê Thị Ngọc T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Phạm Lê Hoàng H, sinh ngày 14-6-2013. Giao anh Phạm Hoàng H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Phạm Lê Hoàng P, sinh ngày 10-3-2011. Chị T và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009886 ngày 12-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Hiếu